**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN K**
**TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 02/03/2023.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và bà Trần Thị Lệ Dung.

**- Thư ký phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa**: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 259/2022/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 2 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn**: Chị Lê Thị V – sinh năm 1994.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Hiện tạm trú tại địa chỉ: Thôn 10, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

**- Bị đơn**: Anh Trần Văn T – sinh năm 1987.

Nơi ĐKHKTT và trú tại: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị V có đơn xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị V trình bày: Chị và anh Trần Văn T kết hôn với nhau ngày 12 tháng 3 năm 2013 đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng về làm ăn, sinh sống tại xã K, quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm lối sống, mâu thuẫn về vấn đề công ăn việc làm và kinh tế của cả hai vợ chồng, mặt khác anh T còn ghen tuông vô cớ thường xuyên xúc phạm và chửi mắng chị. Sự việc xảy ra nhiều lần chị nói chuyện thẳng thắn với anh T để cả hai cùng nhau cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn lại phát sinh, chị đã phải đi làm ăn

xa một thời gian để vợ chồng cùng có thời gian bình tĩnh, suy nghĩ lại thấu đáo mọi việc nhưng anh T còn đến tận nơi chị làm việc để gây chuyện và bắt chị về quê làm ăn sinh sống. Việc vợ chồng mâu thuẫn cũng được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không tiếp tục sống chung được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Văn T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung cháu Trần Lê Linh Đ sinh ngày 05 tháng 9 năm 2013 và cháu Trần Lê Minh K sinh ngày 11 tháng 8 năm 2017. Hiện các cháu Đg ở cùng với anh T. Tại đơn khởi kiện chị nhận nuôi cả hai con chung cháu Đ và cháu K và yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con là 2.000.000đ/cháu/tháng, cấp dưỡng đối với cả hai con. Tuy nhiên qua tham khảo nguyện vọng của con tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ chị có đơn đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trần Lê Minh K và đề nghị giao cháu Trần Lê Linh Đ cho anh T tiếp tục chăm sóc và hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung : Chị và anh T đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ nên nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 28 tháng 10 năm 2022 theo thủ tục luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án bị đơn là anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Lê Thị V sau khoảng ba tháng tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 3 năm 2013 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị V có quan hệ bất chính với người đàn ông khác đồng thời bỏ bê gia đình chồng con và không quan tâm đến các con, mặc dù anh đã bỏ qua và tha thứ cho chị V nhiều lần nhưng chị V không thay đổi. Thậm trí còn bỏ nhà đi nơi khác sinh sống và công khai việc ngoại tình với người đàn ông khác, để con lại cho mình anh nuôi dưỡng. Nay chị V có đơn xin ly hôn anh không đồng ý, nguyện vọng của anh muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Trong trường hợp chị V không về đoàn tụ mà cương quyết ly hôn việc nay anh mặc kệ chị V vì anh theo đạo thiên chúa nên không được quyền ly hôn.

Về con chung: Anh và chị V có hai con chung cháu Trần Lê Linh Đ sinh ngày 05 tháng 9 năm 2013 và cháu Trần Lê Minh K sinh ngày 11 tháng 8 năm 2017. Hiện các cháu Đg ở cùng với anh T. Trong trường hợp chị V cương quyết ly hôn và Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cháu Đ và cháu K cho anh tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và anh yêu cầu chị V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với hai con chung là 4.000.000đ/ tháng. Mỗi cháu 2.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị V không có tài sản chung và công nợ do vậy nay trong trường hợp ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Con chung của anh chị là cháu Trần Lê Linh Đ sinh ngày 05 tháng 9 năm 2013 thuộc trường hợp phải lấy ý kiến nguyện vọng của con, tại bản tự khai ngày 28 tháng

12 năm 2022 cháu Đ trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị V ly hôn anh Trần Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Lê Thị V chăm sóc nuôi dưỡng con chung cháu Trần Lê Minh K sinh ngày 11 tháng 8 năm 2017 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên, tự lập được cuộc sống. Giao cho anh Trần Văn T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Lê Linh Đ sinh ngày 05 tháng 9 năm 2013. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên, tự lập được cuộc sống. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Trần Thị V nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị V có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trần Văn T có nơi cư trú tại: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Trần Văn T, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị V và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 3 năm 2013 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống tại xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Cả chị V và anh T đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, chị V cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm lối sống, anh T thường xuyên chửi bới xúc phạm chị. Còn anh T xác định việc vợ

chồng mâu thuẫn do chị V có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, bỏ bê nhà cửa, con cái đồng thời công khai việc ngoại tình. Anh tha thứ cho chị nhiều lần nhưng chị V không thay đổi.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh T biết việc chị V ly hôn anh mặc dù anh T có lời khai ở giai đoạn hòa giải đối thoại tại Tòa án thể hiện quan điểm của mình là không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên các thủ tục sau đó vụ án được thụ lý giải quyết theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự thì anh T đã bỏ mặc như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Điều này thể hiện anh T không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, gây khó khăn cho việc Tòa án hòa giải để vợ chồng anh chị về đoàn tụ. Như vậy hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng và chỉ tồn tại trên danh nghĩa.

Biên bản xác minh tại chính quyền cơ sở tại địa phương thể hiện: Anh Trần Văn T là công dân xã K, sau khi tìm hiểu có có Đăng ký kết hôn với chị Trần Thị V tại UBND xã Q, huyện Q vào năm 2013 là quê của chị V. Quá trình anh T và chị V sinh sống với nhau tại địa phương do là vợ chồng trẻ nên cũng có những mâu thuẫn xảy ra. Nhưng mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì chính quyền cơ sở không nắm được. Chỉ biết chị V đã chuyển đi nơi khác sinh sống mấy tháng nay và không sống cùng anh T. Chị V bỏ đi nơi khác làm ăn sinh sống trước khi anh chị ra Tòa án làm thủ tục ly hôn. Các con thì vẫn đang ở cùng anh T. Nay chị V có đơn xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh T đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, cả hai không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị V và anh T có hai con chung cháu Trần Lê Linh Đ sinh ngày 05 tháng 9 năm 2013 và cháu Trần Lê Minh K sinh ngày 11 tháng 8 năm 2017 Từ khi chị V bỏ nhà ra đi thì các cháu Đ và K đang ở cùng anh T . Qua xem xét nguyện vọng của con thì cháu Đ muốn ở với anh T. Đối với cháu K thì còn nhỏ sẽ cần cần sự chăm sóc của người mẹ hơn.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án. Anh T có nguyện vọng muốn nuôi dưỡng cả hai cháu Đ và K, qua xác minh về điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn của cả hai bên đương sự thì cả chị V và anh T đều là công dân làm lao động tự do nên chính quyền sơ sở không nắm được mức thu nhập của cả chị V và anh T. Nay để ổn định việc học tập, sinh hoạt cũng như không ảnh hưởng đến tâm, sinh lý của các cháu khi bố mẹ ly hôn, Tòa án giao cháu Trần Lê Linh Đ sinh ngày 05 tháng 9 năm 2013 cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và do cháu K còn nhỏ nên giao cháu Trần Lê Minh K sinh ngày 11 tháng 8 năm 2017 cho chị V chăm sóc nuôi dưỡng. Như vậy là phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự, đồng thời phù hợp với

nguyện vọng của các cháu và cũng đảm bảo quyền lợi của các con chưa thành niên trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng đối với con chung sau khi ly hôn do mỗi người nuôi một con chung và điều kiện nuôi dưỡng con của cả hai bên là như nhau. Do vậy các bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con là phù hợp với với điều 82, 83 Luật Hôn nhân nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

**[**4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị V và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Lê Linh Đ sinh ngày 05 tháng 9 năm 2013 cho anh Trần Văn T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Giao cháu Trần Lê Minh K sinh ngày 11 tháng 8 năm 2017 cho chị V chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Lê Thị V phải nộp 300.000 đồng ( *Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004715 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành*

*án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
***(Đã ký)***
**Trần Thị Khanh**

*Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Q, huyện Q.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.